

Bản án số: **889/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 7 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Sự

Ông Trương Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 213/2013/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2013 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2653/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5360/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 92C Dương Công K, xã X, huyện H, Thành phố M.

- Bị đơn: Ông Chang, Wen_Chin, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ: No 2 Lane 167, Sec 3 Hsi An Rd, Lin 6, Ho Cheng Li, Pu Li Town, Nan Tou County, Taiwan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2013 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà Lê Thị Kim T và ông Chang, Wen_Chin tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/1995 và ghi vào sổ kết hôn số 2416, quyền

số 12 ngày 05/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau khoảng một năm tại Đài Loan. Sau đó vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được nên bà T trở về Việt Nam và cũng không liên lạc với nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng của mình nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Chang, Wen_Chin.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông Chang, Wen_Chin đang cư trú tại Đài Loan.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Lê Thị Kim T và ông Chang, Wen_Chin đều vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim T, cho bà T được ly hôn với ông Chang, Wen_Chin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Kim T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với ông Chang, Wen_Chin hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lê Thị Kim T tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 29/7/2019 nhưng bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với ông Chang, Wen_Chin, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản số 929/UTTPHN-TLĐ ngày 24/7/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo địa chỉ trong giấy chứng nhận kết hôn là: No 2 Lane 168, Sec 3 Hsian Rd Lin 6 Hocheng Li Puli Town, Nantou County Taiwan. Tuy nhiên, ngày 23/10/2013, Bộ Tư pháp có Công văn số 4997/BTP-

PLQT thông báo cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh biết Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan gửi trả toàn bộ hồ sơ do địa chỉ trên không chính xác. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các công văn xác minh, cụ thể: Công văn số 4306/TATP-TGĐVNCTN ngày 14/11/2017 gửi Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Công văn số 4305/TATP-TGĐVNCTN ngày 14/11/2017 gửi Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 1267/TATP-TGĐVNCTN ngày 19/3/2018 và Công văn số 2124/TATP-TGĐVNCTN ngày 26/4/2018 gửi Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 13a-2018/CV-LS ngày 07/2/2018 của Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc; Văn bản số 10602132010 ngày 21/12/2017 của Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 3470 ngày 16/4/2018 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ đúng của ông Chang, Wen_Chin là: No 2 Lane 167, Sec 3 Hsi An Rd, Lin 6, Ho Cheng Li, Pu Li Town, Nan Tou County, Taiwan.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 665/TB-TA ngày 08/10/2018 cho ông Chang, Wen_Chin tại địa chỉ No 2 Lane 167, Sec 3 Hsi An Rd, Lin 6, Ho Cheng Li, Pu Li Town, Nan Tou County, Taiwan theo quy định của pháp luật. Theo Công văn số 344/BTP-PLQT ngày 14/02/2019 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã tổng đạt thành công hồ sơ cho ông Chang, Wen_Chin vào ngày 07/01/2019. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11/7/2019 nhưng do ông Chang, Wen_Chin vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay ông Chang, Wen_Chin vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/1995 và ghi vào sổ kết hôn số 2416, quyền số 12 ngày 05/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Kim T và ông Chang, Wen_Chin là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Lê Thị Kim T và ông Chang, Wen_Chin đã chung sống với nhau ở Đài Loan một năm nhưng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T quay về Việt Nam sinh sống, còn ông Chang, Wen_Chin sinh sống ở Đài Loan. Do khoảng cách về địa lý, hai bên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có. Ông Chang, Wen_Chin cũng không sang Việt Nam để thăm bà T. Về phía ông Chang, Wen_Chin, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông

Chang, Wen_Chin theo quy định pháp luật, ông Chang, Wen_Chin cũng đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng ông không có phản hồi, cũng không có mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ ông Chang, Wen_Chin không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Về phía bà T xác định không còn tình cảm với ông Chang, Wen_Chin nên dứt khoát xin ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đây cũng là tình cảm và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, nay tình cảm giữa bà T và ông Chang, Wen_Chin không còn, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Chang, Wen_Chin là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà T khai không có nên không xét.

Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T và ông Chang, Wen_Chin có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 262, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn với ông Chang, Wen_Chin.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Kim T đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AG/2010/05269 ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Chang, Wen_Chin có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

